TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 4 - 2018
"V/v: Ly hôn giữa ông A và bà H".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Ngày 23/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1020/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về trA chấp: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1969; Địa chỉ: Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Khánh H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc A trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Đỗ Ngọc A và bà Phạm Thị Khánh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Đăk Lăk ngày 20/4/1997.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa. Đến tháng 8/2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông A xác định không còn tình cảm với bà H nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông A và bà H có 02 con chung là: Đỗ Phạm Thu H1, sinh ngày 02/3/1996 và Đỗ Phạm Nhật H2 sinh ngày 01/01/1999. Các con chung đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản tự khai ngày 07/11/2017, bị đơn bà Phạm Thị Khánh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, về con chung và về tài sản chung bà H xác định đúng như ông Đỗ Ngọc A trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, bà H vẫn còn tình cảm với ông A nên bà H không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị Khánh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử bà H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Ngọc A và bà Phạm Thị Khánh H là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Đăk Lăk ngày 20/4/1997. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa ông A và bà H, qua trình bày của đương sự cũng như xác minh ở địa phương, thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Ông A, bà H đã cố gắng khắc phục nhưng hạnh phúc gia đình vẫn không thể hàn gắn được. Đến tháng 8/2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên toà ông A xác định tình cảm giữa ông và bà H không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn cuûa ông Đỗ Ngọc A.

[3]. Về con cái: Ông A và bà H có 02 con chung là: Đỗ Phạm Thu H1, sinh ngày 02/3/1996 và Đỗ Phạm Nhật H2, sinh ngày 01/01/1999. Các con chung đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn ông Đỗ Ngọc A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Đỗ Ngọc A được ly hôn với bà Phạm Thị Khánh H.

2. Về án phí: Ông Đỗ Ngọc A phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà ông A đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000172 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. Ông Đỗ Ngọc A đã nộp xong tiền án phí.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- P. Kiểm tra- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND TP.B;
- CC THADS TP.B;
- UBND xã C, huyện B, tỉnh Đăk Lăk ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn